

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày: 23-1-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Khiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Hồng; Bà Hoàng Thị Huyền.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Anh Lợi - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2025/TLST-HS ngày 06/01/2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn N, sinh năm 1974, tại Thanh C, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nơi thường trú: Thôn S, xã Th, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Công chức (Ủy ban nhân dân xã Thanh C, huyện L); trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn M (đã chết) và bà Phạm Thị Kh; có vợ: Nguyễn Thị Hồng Th và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 180-QĐ/UBKTHU, ngày 19/9/2024 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Lương Sơn, Hòa Bình.

Nhân thân: Ngày 26/8/1997 bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, Hòa Bình xét xử 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, về tội "cướp tài sản". Hiện Bùi Văn N đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2024 đến ngày 08/10/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay – Có mặt.

2. Đinh Thị T, sinh năm 1991, tại: Bình Thanh, Cao Phong, Hòa Bình; nơi thường trú: Thôn Chợ B, xã Th, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Giáo viên (Trường TH và THCS Hợp Th, xã T, Lương Sơn, Hòa Bình); trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Công C và bà Nguyễn Thị Th; có chồng: Nguyễn Thành N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 190 -QĐ/UBND THU, ngày 30/12/2024 của Ủy ban Kiểm tra huyện ủy Lương Sơn, Hòa Bình. Tạm giữ ngày 17/8/2024 đến ngày 26/8/2024 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

3. Đinh Thị H, sinh năm 1986, tại: Bình Thanh, Cao Phong, Hòa Bình; nơi thường trú: Thôn S, xã Th, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Công an viên xã Thanh Cao (nay là Tổ trưởng, Tổ an ninh trật tự tại cơ sở của thôn Sáu Th, xã Th, huyện L, Hòa Bình); trình độ văn hóa: hoá: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Trường Th và bà Đinh Thị B, có chồng: Bùi Văn L và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay - có mặt

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1991, nơi công tác: Công xã Thanh Cao, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình - vắng mặt.

2. Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1978, nơi công tác: Công xã Thanh Cao, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình - vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1990, nơi công tác: Công an huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình - vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1963, nơi đăng ký thường trú: Thôn Sáu Hạ, xã Thanh Cao, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình - vắng mặt.

5. Chị Bùi Thị D, sinh năm 1984, nơi đăng ký thường trú: Thôn Sáu Hạ, xã Thanh Cao, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình - vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1972, nơi đăng ký thường trú: Thôn Sáu Hạ, xã Thanh Cao, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình - vắng mặt.

7. Nguyễn Thị D, sinh năm 1989, nơi đăng ký thường trú: Thôn Bắc Phụng, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội - vắng mặt

8. Chị Nguyễn Thị Th, sinh 1993, nơi đăng ký thường trú: Thôn Quang Hội, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội - vắng mặt

9. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1989, thôn Nam Cường, xã Hiền Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội - vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977, nơi đăng ký thường trú: Tổ 05, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn Nam là công chức nông nghiệp - môi trường xã Thanh C, huyện Lương S. Trước đó từ năm 2015 đến đầu năm 2020, N là Trưởng Công an xã Th, nên có mối quan hệ với Đinh Thị T là Công an viên thường trực của Công an xã Th. Khoảng tháng 7/2020, Bùi Văn N đến gặp Đinh Thị T đặt vấn đề nhờ Tâm giúp chuyển đăng ký thường trú cho Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Th và Nguyễn Thị D về xã Th, huyện L và làm chứng minh nhân dân cho Th, Th và D để những người này đi làm công nhân, khi xong việc sẽ đưa cho T số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), T đồng ý làm

theo yêu cầu của Nam. Sau khi T đồng ý nhận làm theo yêu cầu của N thì Bùi Văn N đưa cho Tâm các loại giấy tờ gồm: Giấy chuyển hộ khẩu, trích lục giấy khai sinh, bản photo chứng minh nhân dân kèm theo ảnh của Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị D (Theo lời khai của N thì các loại giấy tờ trên là do một người phụ nữ không quen biết tên là Huyền đưa cho Nam cùng số tiền 15.000.000 đồng).

Tâm kiểm tra lại các giấy tờ mà N đưa, sau đó nói với Nam muốn nhập hộ khẩu nhờ về xã Thanh C, huyện L, tỉnh Hoà Bình thì phải có hộ khẩu của hộ gia đình cho đăng ký nhập hộ khẩu nhờ. Do đó, Nam đến hộ bà Bùi Thị D, ông Nguyễn Xuân H và ông Nguyễn Văn S đều cư trú ở thôn Sáu H, xã Th, huyện L, Hoà Bình mượn sổ hộ khẩu của các hộ gia đình đó. Bùi Văn N nói với bà D, ông H và ông S cho 03 người quen của Nam nhập hộ khẩu nhờ vào hộ gia đình để đi làm công nhân, nên các hộ gia đình đã đồng ý và đưa sổ hộ khẩu gia đình mình cho N mượn. Tiếp đó Nam mang sổ hộ khẩu của gia bà D, ông H và ông S cho T để Tâm làm thủ tục nhập hộ khẩu cho Th, Th, D vào 03 hộ gia đình đó, đồng thời Nam đưa cho Tâm 9.000.000đ (chín triệu đồng) và nói 6.000.000 đồng còn lại khi nào xong việc sẽ đưa nốt.

Sau khi nhận tiền của Bùi Văn Nam, Đinh Thị T trao đổi với Đinh Thị H là Công an viên của xã Th về việc Bùi Văn N nhờ lập hồ sơ nhập hộ khẩu và làm chứng minh nhân dân cho Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Th về xã Th để đi làm công nhân, Tâm đề nghị H cùng làm hồ sơ nhập hộ khẩu với mình, và đưa cho H 3.000.000đ (ba triệu đồng), khi đưa tiền T có nói với H đây là tiền Nam đưa trước để lập hồ sơ nhập hộ khẩu cho Th, Th, D khi nào xong việc sẽ đưa thêm.

Mặc dù Đinh Thị T, Đinh Thị H biết rõ thủ tục tiến hành nhập hộ khẩu nhờ vào các hộ gia đình, các tài liệu trong hồ sơ phải do các chủ hộ viết và ký xác nhận. Nhưng Đinh Thị cùng với Đinh Thị H đã điền các thông tin vào các biểu mẫu theo quy định, đồng thời Tâm và H tự ký tên trên các biểu mẫu, tài liệu thay cho các chủ hộ để lập hồ sơ nhập hộ khẩu cho Nguyễn Thị Th vào hộ ông Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị D vào hộ bà Bùi Thị D, Nguyễn Thị Th vào hộ ông Nguyễn Xuân H theo thủ tục nhập nhờ. Sau đó T và H để các bộ hồ sơ này cùng với các hồ sơ khác vào nơi đã được quy định tại trụ sở Công an xã để chỉ huy Công an xã ký xác nhận. Vì không biết hồ sơ nhập hộ khẩu của Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị D do T và H lập không, chỉ huy Công an xã Thanh Cao đã ký xác nhận. Sau đó T cùng H đóng dấu và mang 03 hồ sơ nhập hộ khẩu nhờ của Th, Th, D đến Công an huyện Lương S để đóng dấu kiểm tra theo quy định. Sau khi nhập hộ khẩu xong Bùi Văn N yêu cầu Đinh Thị T đưa các đối tượng Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Th đi làm chứng minh nhân dân và N đưa tiếp cho Tâm 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Đinh Thị Tâm đồng ý và trao đổi với Đinh Thị H và cùng H viết đơn xin cấp chứng minh nhân dân, dán ảnh và xin xác nhận đơn cho Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Th. Tiếp đó Đinh Thị T và Đinh Thị H mang đơn xin cấp chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của các hộ gia đình có tên Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Th, cùng với Th, Th, D đến công an huyện Lương Sơn để làm chứng minh nhân dân. Sau khi đăng ký làm chứng minh nhân dân xong, Đinh Thị T đưa cho Đinh Thị H 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) và nói cho biết đây là tiền N đưa thêm về việc đã giúp Th, T, D. Sau khi Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Th đã được nhập hộ khẩu và làm Chứng minh nhân dân, theo

lời khai của Bùi Văn N, khoảng 10 ngày sau thì người phụ nữ tên H đã đến gặp, cảm ơn và đưa cho Bùi Văn N 6.000.000 đồng và 01 cây thuốc lá hiệu 555.

Qua rà soát, Công an xã Th, huyện L, tỉnh Hòa Bình phát hiện có một số Công an viên có việc vi phạm trong việc xác nhận đăng ký thường trú và cấp sổ hộ khẩu, nên đã có văn bản đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Hòa Bình xem xét giải quyết.

Ngày 17/8/2024 Đinh Thị T bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hòa Bình bắt giữ khẩn cấp, ngày 18/8/2024 Bùi Văn N đã đến Cơ quan điều tra đầu thú về hành vi đưa hối lộ, ngày 22/8/2024 Đinh Thị H đã đến Cơ quan điều tra đầu thú về hành vi nhận hối lộ.

Ngày 17/08/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC01), Công an tỉnh Hoà Bình ra quyết định trưng cầu giám định tài liệu số 1036/QĐ-VPCQCSĐT giám định hồ sơ thu nhận cấp chứng minh nhân cho Nguyễn Thị Thảo. Ngày 17/08/2024 Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09), Công an tỉnh Hoà Bình có Kết luận giám định số 419/KL-KTHS kết luận:

“- Chữ viết ghi nội dung tại các dòng văn bản từ số 1 đến số 20 trên Đơn đề nghị cấp Chứng minh nhân dân họ tên Nguyễn Thị Thảo ngày 09/11/2020; chữ viết tại các mục họ tên, sinh ngày, nơi đăng ký thường trú trên chỉ bản số 113832393 lập ngày 09/7/2020; chữ viết tại mục 5 đến mục 19 và chữ số tại mục 20 trên tờ khai chứng minh nhân dân số 113832393 so với chữ viết của Đinh Thị Tâm trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

- Các chữ viết chữ ký còn lại trên các tài liệu cần giám định với chữ viết chữ ký trên mẫu so sánh của Đinh Thị Tâm không phải do cùng một người viết và ký ra.”

Ngày 04/09/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC01) - Công an tỉnh Hoà Bình ra quyết định trưng cầu giám định tài liệu số 1089/QĐ-VPCQCSĐT giám định hồ sơ nhập khẩu cho Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị D. Ngày 19/09/2024 Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09), Công an tỉnh Hoà Bình có Kết luận giám định số 445/KL-KTHS kết luận:

“1. Căn cứ vào đặc điểm chữ viết chữ ký trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 đến A39) và chữ viết chữ ký của Đinh Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M4) kết luận chữ viết, chữ ký trên các tài liệu, trang tài liệu sau do Đinh Thị Tâm viết và ký ra:

- Chữ ký, chữ viết dưới mục cán bộ lập phiếu trên 02 phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu mang tên người thay đổi Nguyễn Thị Du đề ngày 01/7/2020 ký hiệu (A7, A8)

- Chữ viết mực màu đen tại trang 4, 5 trong quyển sổ hộ khẩu số: 300036925 mang tên chủ hộ là Bùi Thị D (ký hiệu A16, A17)

- Chữ viết ghi nội dung trên biên bản xác minh ngày 06/7/2020 (ký hiệu A24)

- Chữ ký chữ viết dưới mục cán bộ lập phiếu trên 02 phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu mang tên người thay đổi là Nguyễn Thị Thảo ngày 30/6/2020 và 01/7/2020 (ký hiệu A30, A36)

- Chữ viết ghi nội dung trên biên bản xác minh ngày 07/7/2020 (ký hiệu A35)

2. Ngoài phần chữ viết chữ ký trên, các chữ ký, chữ viết còn lại trên các tài liệu cần giám định không phải do Đinh Thị Tâm viết và ký ra.

3. Căn cứ vào đặc điểm chữ viết chữ ký trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A39) và chữ viết chữ ký của Đinh Thị Hương trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M5, M6, M7) kết luận chữ viết, chữ ký trên các tài liệu, trang tài liệu sau do Đinh Thị Hương viết và ký ra:

- Chữ ký, chữ viết ghi nội dung trên 02 phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu mang tên người thay đổi Nguyễn Thị D đề ngày 01/7/2020 ký hiệu (A7, A8)

- Chữ viết ghi nội dung và chữ ký, chữ viết dưới mục người viết đơn trên Đơn xin xác nhận đứng tên Bùi Thị D đề ngày 01/7/2020 (ký hiệu A9)

- Chữ viết ghi nội dung và chữ ký, chữ viết dưới mục người viết giấy trên Giấy chấp thuận cho đăng ký thường trú vào nhà ở thuộc quyền sở hữu hợp pháp của cá nhân đề ngày 01/7/2020 (ký hiệu A10)

- Chữ viết, chữ ký tại mặt trước và chữ viết mục xác nhận của Công an xã Thanh Cao tại mặt sau phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 01/7/2020 (ký hiệu A11)

- Chữ viết tại mặt trước biên bản xác minh ngày 06/7/2020 (ký hiệu A13)

- Chữ viết ghi nội dung và chữ ký, chữ viết dưới mục cán bộ lập phiếu trên phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu mang tên người thay đổi là Bùi Thị Dịu đề ngày 06/7/2020 (ký hiệu A14)

- Chữ viết ghi nội dung và chữ ký, chữ viết dưới mục cán bộ lập phiếu trên phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu mang tên người thay đổi là Nguyễn Xuân Hương đề ngày 06/7/2020 (ký hiệu A18)

- Chữ viết ghi nội dung và chữ ký, chữ viết dưới mục cán bộ lập phiếu trên phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu mang tên người thay đổi là Nguyễn Thị Thuý đề ngày 30/6/2020 (ký hiệu A19)

- Chữ ký dưới mục người viết đơn trên Đơn xin xác nhận ngày 06/7/2020 (ký hiệu A20)

- Chữ viết ghi nội dung trên giấy chấp thuận cho đăng ký thường trú vào nhà ở thuộc quyền sở hữu hợp pháp của cá nhân đề ngày 30/6/2020 (ký hiệu A21)

- Chữ viết ghi nội dung tại mặt trước phiếu báo thay đổi nhân khẩu, hộ khẩu ngày 30/6/2020 (ký hiệu A22)

- Chữ viết ghi nội dung trên Đơn xin xác nhận đứng tên Nguyễn Xuân Hương đề ngày 30/6/2020 (ký hiệu A23)

- Chữ viết tại trang 5 trong sổ hộ khẩu số 300036901 (ký hiệu A28)

- Chữ viết ghi nội dung và chữ ký, chữ viết dưới mục cán bộ lập phiếu trên phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu mang tên người thay đổi là Nguyễn Văn Sự đề ngày 06/7/2020 (ký hiệu A29)

- Chữ viết ghi nội dung trên phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu mang tên người thay đổi là Nguyễn Thị Th đề ngày 01/7/2020 (ký hiệu A30)

- Chữ viết ghi nội dung và chữ ký, chữ viết dưới mục người viết đơn trên Đơn xin xác nhận đứng tên Nguyễn Văn S đề ngày 30/6/2020 (ký hiệu A31)

- Chữ viết ghi nội dung và chữ ký, chữ viết dưới mục người viết giấy trên giấy chấp thuận cho đăng ký thường trú vào nhà ở thuộc quyền sở hữu hợp pháp của cá nhân đề ngày 30/6/2020(ký hiệu A32)

- Chữ viết, chữ ký tại mặt trước phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 30/6/2020 (ký hiệu A33)

- Chữ viết ghi nội dung trên phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu mang tên người thay đổi là Nguyễn Thị Thảo đề ngày 30/6/2020 (ký hiệu A36)

- Chữ viết tại trang 5 trong sổ hộ khẩu số: 300200773 (ký hiệu A39)

4. Ngoài phần chữ viết chữ ký trên, các chữ ký, chữ viết còn lại trên các tài liệu cần giám định không phải do Đinh Thị Hường viết và ký ra.”

Ngày 30/10/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC01), Công an tỉnh Hoà Bình ra Quyết định trưng cầu giám định tài liệu số 1303/QĐ-VPCQCSĐT giám định chữ ký, hình dấu tròn trên các tài liệu: Giấy chuyển hộ khẩu của Công an huyện Sóc Sơn cấp cho Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị D; Giấy trích lục khai sinh của UBND xã Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội cấp cho Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị D; Giấy trích lục khai sinh của UBND xã Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội cấp cho Nguyễn Thị Thuý. Ngày 08/11/2024 Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) - Công an tỉnh Hoà Bình có kết luận giám định số 604/KL-KTHS kết luận:

“ 1. Chữ ký đứng tên Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tuấn – Phó trưởng Công an huyện Sóc Sơn trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) với chữ ký của Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tuấn – Phó trưởng Công an huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M6) không phải do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn nội dung : “CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI – CÔNG AN HUYỆN SÓC SƠN” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) với hình dấu tròn của Công an huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M6) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

3. Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Thi – Phó Chủ tịch UBND xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A4, A5) với chữ ký của ông Nguyễn Văn Thi – Phó Chủ tịch UBND xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M7 đến M10) không phải do cùng một người ký ra.

4. Hình dấu tròn nội dung “UBND XÃ QUANG TIẾN H.SÓC SƠN TP.HÀ NỘI” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A4, A5) với hình dấu tròn của UBND xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M7 đến M10) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

5. Chữ ký đứng tên Phó Chủ tịch Ngô Văn Chuyên trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A6) với chữ ký của ông Ngô Văn Chuyên – Phó Chủ tịch UBND xã Hiền Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M11 đến M14) không phải do cùng một người ký ra.

6. Hình dấu tròn nội dung: “U.B.N.D XÃ HIỀN NINH H.SÓC SƠN TP.HÀ NỘI” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A6) với hình dấu tròn của UBND xã Hiền Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M11 đến M14) không phải do cùng một con dấu đóng ra.”

Cáo trạng số 04/CT -VKS - P2, ngày 30/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình, truy tố các bị cáo Bùi Văn Nam về tội “đưa hối lộ” theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 364 BLHS; bị cáo Đinh Thị Tâm, Đinh Thị Hương về tội “nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 BLHS.

Tại phiên tòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn N phạm tội “đưa hối lộ”; bị cáo Đinh Thị T và bị cáo Đinh Thị H phạm tội “nhận hối lộ”.

Áp dụng điểm điểm a, Khoản 1, khoản 5 Điều 364; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn N từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 48 đến 60 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng điểm điểm a, Khoản 1, Khoản 5 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 41, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Thị T từ 30 đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng. Xử phạt bị cáo Đinh Thị H từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 - 60 tháng. Cấm Đinh Thị Tâm, Đinh Thị Hương đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn 01 đến 02 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo

Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 TTHS: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền đưa và nhận hối lộ của Đinh Thị Tâm 10.500.000 đồng; Đinh Thị H 4.500.000 đồng; Bùi Văn N số tiền 6.000.000 đồng. Trả lại bị cáo Bùi Văn N số tiền nộp thừa 10.500.000 đồng

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi “đưa hối lộ” và “nhận hối lộ” như nội dung Cáo trạng và bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

-

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng trình tự thủ tục, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Văn N, Đinh Thị T, Đinh Thị H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập tại hồ sơ vụ án, do đó đủ cơ sở xác định: Vào khoảng tháng 7/2020,

Bùi Văn Nam đã gặp gỡ và đặt vấn đề với Đinh Thị T - Công an viên, xã Thanh Cao về việc cho các đối tượng Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thúy và Th, Nguyễn Thị D nhập khẩu nhờ vào hộ gia đình ông Nguyễn Văn S, bà Bùi Thị D, ông Nguyễn Xuân H, sau đó làm chứng minh nhân dân cho Thảo, Th và D; N thống nhất sẽ đưa cho T 15.000.000 đồng, T đồng ý và N đưa trước cho T 9.000.000 đồng. Sau đó Đinh Thị T trao đổi lại nội dung trên với Đinh Thị H là Công an viên xã Thanh Cao, H đồng ý cùng làm theo yêu cầu của N, T đưa cho H 3.000.000 đồng, nói là tiền của N đưa trước. Mặc dù T và Hương biết rõ thủ tục nhập khẩu nhờ vào các hộ dân phải có các tài liệu do chủ hộ viết và ký xác nhận; tuy nhiên để thực hiện yêu cầu của N, T và H đã tự viết vào các biểu mẫu, ký tên thay cho các chủ hộ để lập và hoàn thiện hồ sơ nhập khẩu cho các công dân Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Th và Nguyễn Thị D, theo yêu cầu của Bùi Văn N. Sau khi đã làm xong thủ tục nhập khẩu xong cho các đối tượng Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Thị Th và Nguyễn Thị D, Nam tiếp tục yêu cầu T đưa Th, Th và D đi làm chứng minh nhân dân, đưa tiếp cho T 6.000.000 đồng, Đinh Thị T đồng ý, sau đó Tâm đưa cho H 1.500.000 đồng. Tiếp đó, Đinh Thị T và Đinh Thị H tiến hành làm các thủ tục để cấp Giấy chứng minh nhân dân cho Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Th và Nguyễn Thị D

Xét các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, Hành vi Bùi Văn N đưa 15.000.000 đồng cho bị cáo Đinh Thị T, Đinh Thị H là người có chức vụ, quyền hạn để nhập hộ khẩu, làm Giấy chứng minh nhân dân cho Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Th và Nguyễn Thị D là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại uy tín và hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, Như vậy hành vi bị cáo Bùi Văn N đã phạm vào tội “đưa hối lộ”, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 364, Bộ luật Hình sự 2015. Bị cáo Đinh Thị Tâm, Đinh Thị Hương đã phạm vào tội “nhận hối lộ”, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 354, Bộ luật Hình sự 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Bùi Văn N, chịu trách nhiệm độc lập đối với tội danh “đưa hối lộ”. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã chủ động khắc phục hậu quả nộp lại toàn bộ số tiền đưa và nhận hối lộ; đầu thú; bị cáo có thành tích trong công tác được tặng giấy khen, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo Nam.

Đối với bị cáo Đinh Thị T và Đinh Thị H phạm tội đồng phạm giản đơn đối với tội “nhận hối lộ”.

Bị cáo Đinh Thị T quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã chủ động khắc phục hậu quả nộp lại toàn bộ số tiền đưa và nhận hối lộ; bị cáo có thành tích trong công tác được tặng giấy khen, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo Tâm.

Bị cáo Đinh Thị H, quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã chủ động khắc phục hậu quả nộp lại toàn bộ số tiền đưa và nhận hối lộ; đầu thú; bị cáo có thành tích trong công tác được tặng giấy khen, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo H.

[4]. Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo thấy cần phải lên một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nhằm mục đích cải tạo, giáo dục các bị cáo răn đe đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chấp hành chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng, do vậy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung: Cần cấm bị cáo Đinh Thị T và Đinh Thị H đảm nhiệm chức vụ liên quan đến việc phạm tội trong thời hạn nhất định theo khoản 5 Điều 354 Bộ luật hình sự và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Bùi Văn Nam theo Khoản 5 Điều 364 Bộ luật hình sự.

[5] Về vật chứng vụ án: Các giấy tờ và các tài liệu có liên quan được lưu giữ trong hồ sơ vụ án; đối với các tài liệu có dấu hiệu làm giả được sao lưu đưa vào hồ sơ vụ án, tài liệu gốc được lưu giữ tại Cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền đưa nhận hối lộ quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn N khai nhận đã nhận của người phụ nữ tên Huyền (Hiện không xác định được địa chỉ). Hai lần tổng số tiền là 21.000.000 đồng để bị cáo N đưa hối lộ, bị cáo N đã dùng số tiền này đưa hối lộ cho Đinh Thị T số tiền là 15.000.000 đồng, bị cáo N giữ lại 6.000.000 đồng.

Bị cáo khai số tiền nhận hối lộ từ bị cáo N số tiền là 15.000.000 đồng, trong số tiền này bị cáo T đưa cho Đinh Thị H số tiền 4.500.000 đồng.

Bị cáo Đinh Thị H khai nhận đã nhận của bị cáo T là 4.500.000 đồng.

Hiện tại Đinh Thị T đã tự nguyện nộp 10.500.000 đồng (T trực tiếp nộp 6.000.000 đồng và nhờ bị cáo Nam nộp 4.500.000 đồng)

Bị cáo Đinh Thị H tự nguyện nộp 4.500.000 đồng.

Bị cáo Nam tự nguyện nộp 21.000.000 đồng (trong đó có 4.500.000 đồng bị cáo Tâm nhờ nộp giúp, 6.000.000 đồng bị cáo N tự nguyện nộp, nộp thừa 10.500.000 đồng)

Như vậy số tiền đưa và nhận hối lộ liên quan đến việc phạm tội là 21.000.000 đồng, cụ thể:

Bị cáo Đinh Thị T 10.500.000 đồng; bị cáo Đinh Thị H 4.500.000 đồng, bị cáo Nam: 6.000.000 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước, theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền bị cáo Nam nộp thừa là 10.500.000 đồng cần trả lại cho bị cáo.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với người phụ nữ tên H, cũng như số tiền cảm ơn 6.000.000 đồng và một cây thuốc lá 555. Tại Cơ quan điều tra Bùi Văn Nam khai H làm công nhân ở Công ty May Thanh Lương, nhà ở Ứng Hoà, Hà Nội, là người đã đưa 03 bộ tài liệu có các giấy tờ mang tên Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị D và số tiền 15.000.000 đồng để nhờ N nhập khẩu vào xã Thanh C và làm chứng minh nhân dân cho họ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công ty May Thanh Lương tại thời điểm năm 2020 Công ty May chưa đi vào hoạt động, ngoài ra các thông tin về đối tượng tên Huyền không rõ, không đầy đủ; các đối tượng Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị D cũng không biết đối tượng Huyền là ai, nên không có căn cứ để xác định đối với người phụ nữ tên Huyền như lời khai của Bùi Văn Nam. Đến nay chỉ có lời khai duy nhất của N về đối tượng tên là H cũng như về số tiền 6.000.000 đồng và một cây thuốc lá 555. Do đó Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh làm rõ. Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã thu giữ được 06 giấy tờ, tài liệu (gồm: 03 giấy chuyển hộ khẩu do Công an huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội cấp; 03 giấy trích lục khai sinh bản sao do UBND xã Quang Tiến và UBND xã Hiền Ninh, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội cấp) có dấu hiệu làm giả, Cơ quan điều tra xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội, nên đã có văn bản trao đổi với Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hà Nội biết để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn H là bạn trai của Nguyễn Thị D, D khai Nguyễn Văn H là người đã giúp nhập hộ khẩu và làm chứng minh nhân dân về xã Thanh Cao, Lương Sơn, Hoà Bình cho Th, Th, D; tuy nhiên quá trình điều tra Nguyễn Văn H không thừa nhận nội dung này, hiện không có căn cứ xác định vai trò của Hiếu trong vụ án, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau.

Đối với ông Nguyễn Hữu Tr Phó Công an xã Thanh Cao, và ông Trần Tuấn A-Trưởng Công an xã Thanh ; ông Tr là người đã xác nhận vào các hồ sơ nhập khẩu cho Th, Th, D, ông Trần Tuấn A là người ký xác nhận cấp Giấy chứng minh nhân dân cho Th, Th, D, do Đinh Thị T và Đinh Thị H trình lên; Quá trình điều tra xác định khi được Đinh Thị T và Đinh Thị Hương trình ký hồ sơ nhập khẩu và hồ sơ cấp chứng minh nhân dân, ông Trang và ông Tuấn A đã kiểm tra hồ sơ, thấy đầy đủ thành phần theo quy định, tin tưởng vào Đinh Thị T, Đinh Thị H nên đã ký xác nhận vào hồ sơ. Bản thân ông Tr, ông Tuấn A không biết những vi phạm của Đinh Thị T, Đinh Thị H trong việc thiết lập hồ sơ, không biết được thỏa thuận giữa Nam, Tâm và Hương, không được ăn chia, hưởng lợi gì, cũng như không biết gì về hành vi phạm tội của N, T và H, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với ông Nguyễn Hữu Trang trong vụ án là có căn cứ.

[7] Về án phí: Các bị cáo Bùi Văn N, Đinh Thị T, Đinh Thị H phải nộp án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bùi Văn N phạm tội "Đưa hối lộ"; Đinh Thị T, Đinh Thị H phạm vào tội "Nhận hối lộ".

- Áp dụng điểm điểm a, khoản 1, Khoản 5 Điều 364; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bùi Văn N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/01/2025). Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bùi Văn N.

- Áp dụng điểm điểm a, Khoản 1, Khoản 5 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 41, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Đinh Thị T 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/01/2025). Cấm Đinh Thị Tâm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến việc phạm tội trong thời hạn 02 (hai năm) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Xử phạt: Đinh Thị H 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/01/2025). Cấm Đinh Thị Hương đảm nhiệm chức vụ liên quan đến việc phạm tội trong thời hạn 02 (hai năm) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao Bùi Văn Nam, Đinh Thị T, Đinh Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Thanh Cao, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp Bùi Văn Nam, Đinh Thị Tâm, Đinh Thị Hương thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc phải thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu Bùi Văn N, Đinh Thị T, Đinh Thị H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án này tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 Bộ luật hình sự.

2. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền đưa và nhận hối lộ của các bị cáo.
Cụ thể:

Bị cáo Đinh Thị T số tiền 10.500.000 (mười triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Đinh Thị số tiền 4.500.000 (bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Bùi Văn N số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng

- Trả lại bị cáo Bùi Văn N số tiền nộp thừa 10.500.000 (mười triệu, năm trăm nghìn) đồng

Số tiền trên hiện đang bảo quản tại tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, theo giấy nộp tiền mặt ngày 15/01/2025. Tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh tỉnh Hòa Bình.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Văn N, Đinh Thị T, Đinh Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/01/2025)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- STP tỉnh;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- Công an huyện Lương Sơn;
- Chi cục THA dân sự;
- Hồ sơ THAHS;
- UBND xã Thanh Cao;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Khiêm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khiêm

